

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ SINH HỌC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
SH03023: SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG CÔNG NGHỆ SINH HỌC
(INTELLECTUAL PROPERTY IN BIOTECHNOLOGY)

I. Thông tin về học phần

- Mã học phần: SH03023
- Học kì: 6
- Tín chỉ: Tổng số tín chỉ 8 (Lý thuyết: 2 – Thực hành: 0 - Tự học: 6)
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 25 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 0 tiết
 - + Thuyết trình và thảo luận trên lớp: 5 tiết
 - + Thực hành trong phòng thí nghiệm/trong nhà lưới: 0 tiết
 - + Thực tập, thực tế ngoài trường: 0 tiết
- Giờ tự học: 90 tiết
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Công nghệ sinh học Thực vật
 - Khoa: Công nghệ sinh học
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành 1 ☒		Chuyên ngành ... ☐	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn
☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐

- Học phần học song hành: không.
- Học phần tiên quyết: Pháp luật đại cương ML01009.
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

*** Mục tiêu:**

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức như sau:

- Khái quát hóa kiến thức pháp luật cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ, sở hữu trí tuệ liên quan đến công nghệ sinh học, quá trình hình thành và phát triển luật sở hữu trí tuệ ở Việt Nam và thế giới. Phân biệt được các loại quyền sở hữu trí tuệ; quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp, các hình thức sở hữu trí tuệ trong nghiên cứu và phát triển các sản phẩm công nghệ sinh học, các quyền bảo hộ sáng chế, bí mật kinh doanh, tác giả, giống cây trồng.
- Giải thích được các vấn đề pháp lý liên quan đến xác lập và chuyển giao quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp, các vấn đề pháp lý liên quan quá trình đăng ký cấp phép chỉ dẫn địa lý và quyền sở hữu trí tuệ đối với tri thức truyền thống, các vấn đề pháp lý liên

quan quá trình đăng ký cấp phép các sản phẩm thương mại có nguồn gốc từ CNSH, hợp đồng chuyển giao vật liệu, hợp đồng bảo mật, hợp đồng hợp tác nghiên cứu;

- Vận dụng các kiến thức đã học để giải thích các vấn đề về quyền lợi và nghĩa vụ pháp lý trong một số trường hợpчанч chấp sở hữu trí tuệ trong CNSH, để thực hiện các bước đăng ký quyền sở hữu giống cây trồng và các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của tác giả khi chuyển giao; Khai thác được cơ sở dữ liệu về sở hữu trí tuệ.

Học phần nhằm rèn cho sinh viên các kỹ năng như sau:

- Thực hiện, vận dụng được các quy định trong sở hữu trí tuệ trong thực tiễn sản xuất.

Học phần rèn luyện cho sinh viên các thái độ như sau:

- Sinh viên chủ động trong việc lĩnh hội kiến thức liên quan đến môn học.

*** Kết quả học tập mong đợi của chương trình cử nhân Công nghệ sinh học**

Kết quả học tập mong đợi của chương trình Cử Nhân CNSH	
Sau khi hoàn tất chương trình sinh viên có thể:	
Kiến thức tổng quát	CĐR 1: Áp dụng kiến thức toán, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, luật pháp và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành CNSH.
	CĐR 2: Phân tích nhu cầu và yêu cầu của các bên liên quan về sản phẩm CNSH phục vụ quản lý, sản xuất và kinh doanh.
Kiến thức chuyên môn	CĐR 3: Đánh giá chất lượng các sản phẩm CNSH theo các tiêu chuẩn an toàn sinh học, bảo vệ môi trường, luật pháp và đạo đức.
	CĐR 4: Phát triển ý tưởng các sản phẩm CNSH dựa trên nền tảng kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học sự sống và sự phân tích nhu cầu xã hội.
	CĐR 5: Thiết kế các mô hình sản xuất các sản phẩm CNSH
Kỹ năng tổng quát	CĐR 6: Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo vào giải quyết các vấn đề về nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và sản xuất trong ngành CNSH một cách hiệu quả.
	CĐR 7: Làm việc nhóm đạt mục tiêu đề ra ở vị trí là thành viên hay người lãnh đạo.
	CĐR 8: Giao tiếp đa phương tiện trong các bối cảnh đa dạng của nghề nghiệp một cách hiệu quả; đạt chuẩn tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.
Kỹ năng chuyên môn	CĐR 9: Sử dụng công nghệ thông tin và trang thiết bị phục vụ hiệu quả quản lý, sản xuất và kinh doanh trong ngành CNSH.
	CĐR 10: Vận dụng phù hợp các phương pháp, kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin trong NCKH và khảo sát các vấn đề của thực tiễn nghề nghiệp.
	CĐR 11: Thực hiện thành thạo các qui trình kỹ thuật cơ bản và chuyên sâu trong ngành công nghệ sinh học
	CĐR 12: Tư vấn về các sản phẩm công nghệ sinh học cho khách hàng và đối tác với quan điểm kinh doanh tích cực.
Thái độ	CĐR 13: Tuân thủ luật pháp về CNSH và các nguyên tắc về an toàn nghề nghiệp trong môi trường làm việc.
	CĐR 14: Giữ gìn đạo đức nghề nghiệp, thực hiện trách nhiệm nâng cao sức khỏe cho con người và bảo vệ môi trường.

Kết quả học tập mong đợi của chương trình Cử Nhân CNSH	
Sau khi hoàn tất chương trình sinh viên có thể:	
	CĐR 15: Thực hiện thói quen cập nhật kiến thức và kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT							
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8
SH03062	Sở hữu trí tuệ trong CNSH	I	I						
		CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12	CĐR13	CĐR14	CĐR15	
		P				P	P	P	

Ký hiệu	KQHTMD của học phần	CĐR của CTĐT
Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được		
Kiến thức		
K1	Khái quát hóa kiến thức pháp luật cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ, quá trình hình thành và phát triển luật sở hữu trí tuệ ở Việt Nam và thế giới.	CĐR1
K2	Phân biệt được các loại quyền sở hữu trí tuệ; quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp; Các bước đăng ký quyền sở hữu giống cây trồng và các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của tác giả khi chuyển giao; Giải thích được các vấn đề pháp lý liên quan quá trình đăng ký cấp phép chỉ dẫn địa lý và quyền sở hữu trí tuệ đối với tri thức truyền thống.	CĐR1, CĐR2
K3	Khái quát hóa kiến thức pháp luật cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến công nghệ sinh học. Phân biệt được các hình thức sở hữu trí tuệ trong nghiên cứu và phát triển các sản phẩm công nghệ sinh học.	CĐR1, CĐR2
K4	Phân biệt được các quyền bảo hộ sáng chế, bí mật kinh doanh, tác giả, giống cây trồng. Giải thích được các vấn đề pháp lý liên quan quá trình đăng ký cấp phép các sản phẩm thương mại có nguồn gốc từ CNSH, hợp đồng chuyển giao vật liệu, hợp đồng bảo mật, hợp đồng hợp tác nghiên cứu.	CĐR1, CĐR2
Kỹ năng		
K5	Khai thác được cơ sở dữ liệu về sở hữu trí tuệ. Vận dụng các kiến thức đã học để giải thích các vấn đề về quyền lợi và nghĩa vụ pháp lý trong một số trường hợp tranh chấp sở hữu trí tuệ trong CNSH; Vận dụng các công cụ phân tích cơ sở dữ liệu SHTT để giải quyết một số vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực sinh học ở mức độ cơ bản.	CĐR9
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K6	Chủ động cập nhật và tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Có ý thức về đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tuân thủ các nguyên tắc về an toàn nghề nghiệp.	CĐR13, CĐR14, CĐR15

III. Nội dung tóm tắt của học phần

SH03023 Nông nghiệp công nghệ cao (8TC: 2-0-6).

Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần gồm 5 chương sau:

- **Chương 1:** Khái quát về sở hữu trí tuệ
- **Chương 2:** Quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp
- **Chương 3:** Quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực nông nghiệp
- **Chương 4:** Quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp
- **Chương 5:** Thông tin sáng chế

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Nghe thuyết giảng trên lớp
- Tổ chức học tập theo nhóm
- Chuẩn bị bài và tham gia đầy đủ các buổi hội thảo nhóm.
- Tham gia thảo luận trên lớp cũng như khi học tập theo nhóm.
- Dạy học tích hợp (Blended learning): Dạy học qua E-learning.
- Dạy học trực tuyến.

2. Phương pháp học tập

- Nghe thuyết giảng trên lớp
- Tổ chức học tập theo nhóm
- Chuẩn bị bài và tham gia đầy đủ các buổi hội thảo nhóm.
- Tham gia thảo luận trên lớp cũng như khi học tập theo nhóm.
- Phương pháp học trực tuyến, E-learning.

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự ít nhất 2/3 tổng số giờ học lý thuyết của học phần.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Sinh viên tham dự học phần này bắt buộc phải đọc bài giảng, các tài liệu tham khảo trước khi học các nội dung liên quan.
- Bài tập, bài kiểm tra 15 phút: Sinh viên phải hoàn thành các bài tập, bài kiểm tra 15 phút.
- Tiểu luận, thuyết trình: Sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ các bài tiểu luận, thuyết trình, tham gia thảo luận và kiểm tra đạt yêu cầu.
- Thi giữa kì: Sinh viên không dự thi giữa kì sẽ bị tính điểm không.
- Thi cuối kì: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự thi cuối kì.
- Đối với hình thức học tập trực tuyến: sinh viên cần cài đặt phần mềm học tập, thực hiện các yêu cầu của GV về học tập trực tuyến.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Rubric đánh giá	KQHTMD được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Đánh giá quá trình		40	1 -10
Rubric 1 – Đánh giá chuyên cần, tham dự lớp	K5, K6	10	1-10
Rubric 2 – Đánh giá giữa kỳ	K1, K2	15	1-5
Rubric 3 – Thuyết trình	K3, K4, K5	15	6-7
Đánh giá cuối kì		60	
Rubric 4: Đánh giá cuối kì	K1, K2, K3, K4, K5	60	10

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần, tham dự lớp

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 - 10 điểm (A)	Khá 6.5 - 8.4 điểm (C+, B, B+)	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm (D, D+, C)	Kém 0 – 3.9 điểm (F)
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia
Thời gian tham dự	50	Vắng 1 buổi	Vắng 2 buổi	Vắng 3 buổi	Vắng trên 3 buổi

Rubric 2: Đánh giá giữa kỳ

Thi giữa kỳ: Hình thức làm bài kiểm tra giữa kỳ theo hình thức trắc nghiệm.

Nội dung kiểm tra	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi	KQHTMD của môn học được đánh giá qua câu hỏi
Hình thức: làm bài kiểm tra giữa kỳ theo hình thức trắc nghiệm	Chỉ báo 1: Khái quát hóa kiến thức pháp luật cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ.	K1
	Chỉ báo 2: Khái quát hóa quá trình hình thành và phát triển luật sở hữu trí tuệ ở Việt Nam và thế giới.	K1
	Chỉ báo 3: Phân biệt được các loại quyền sở hữu trí tuệ quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp; Giải thích được các vấn đề pháp lý liên quan đến xác lập và chuyển giao quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp	K2
	Chỉ báo 4: Vận dụng các kiến thức đã học để thực hiện các bước đăng ký quyền sở hữu giống cây trồng và các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của tác giả khi chuyển giao	K2
	Chỉ báo 5: Giải thích được các vấn đề pháp lý liên quan quá trình đăng ký cấp phép chỉ dẫn địa lý và quyền sở hữu trí tuệ đối với tri thức truyền thống	K2

Rubric 3. Thuyết trình (đánh giá theo nhóm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 - 10 điểm (A)	Khá 6.5 - 8.4 điểm (C+, B, B+)	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm (D, D+, C)	Kém 0 – 3.9 điểm (F)
Nội dung, cấu trúc và tính trực quan	30	Phong phú hơn yêu cầu, chính xác, khoa học	Đầy đủ theo yêu cầu, khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng, tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng, thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Kỹ năng trình bày	30	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lô cuốn, thuyết phục, tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt.	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lô cuốn, lập luận khá thuyết phục, tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng, có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng, không tương tác bằng mắt và cử chỉ
Trả lời câu hỏi	40	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng

Rubric 4: Đánh giá cuối kì

Thi giữa kì: dạng bài thi trắc nghiệm

Nội dung kiểm tra	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi	KQHTMD của môn học được đánh giá qua câu hỏi
1.	Chỉ báo 1: Khái quát hóa kiến thức pháp luật cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ.	K1
2.	Chỉ báo 2: Khái quát hóa quá trình hình thành và phát triển luật sở hữu trí tuệ ở Việt Nam và thế giới.	K1
3.	Chỉ báo 3: Phân biệt được các loại quyền sở hữu trí tuệ quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp; Giải thích được các vấn đề pháp lý liên quan đến xác lập và chuyển giao quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp	K2
4.	Chỉ báo 4: Vận dụng các kiến thức đã học để thực hiện các bước đăng ký quyền sở hữu giống cây trồng và các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của tác giả khi chuyển giao	K2

5.	Chỉ báo 5: Giải thích được các vấn đề pháp lý liên quan quá trình đăng ký cấp phép chỉ dẫn địa lý và quyền sở hữu trí tuệ đối với tri thức truyền thống	K2
6.	Chỉ báo 6: Khái quát hóa kiến thức pháp luật cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến công nghệ sinh học.	K3
7.	Chỉ báo 7: Khái quát hóa kiến thức pháp luật cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến công nghệ sinh học. Phân biệt được các hình thức sở hữu trí tuệ trong nghiên cứu và phát triển các sản phẩm công nghệ sinh học.	K3
8.	Chỉ báo 8: Phân biệt được các quyền bảo hộ sáng chế, bí mật kinh doanh, tác giả, giống cây trồng	K4
9.	Chỉ báo 9: Giải thích được các vấn đề pháp lý liên quan quá trình đăng ký cấp phép các sản phẩm thương mại có nguồn gốc từ CNSH, hợp đồng chuyển giao vật liệu, hợp đồng bảo mật, hợp đồng hợp tác nghiên cứu	K4
10.	Chỉ báo 10: Khai thác được cơ sở dữ liệu về sở hữu trí tuệ.	K5
11.	Chỉ báo 11: Vận dụng các kiến thức đã học để giải thích các vấn đề về quyền lợi và nghĩa vụ pháp lý trong một số trường hợp tranh chấp sở hữu trí tuệ trong CNSH; Vận dụng các công cụ phân tích cơ sở dữ liệu SHTT để giải quyết một số vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực sinh học ở mức độ cơ bản.	K5

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- *Yêu cầu về đạo đức:* theo quy định của Học viện Nông nghiệp Việt Nam
- *Quy định về việc sinh viên không đủ điều kiện dự thi giữa kỳ và cuối kỳ:* theo quy định của Học viện.
- *Tham dự các bài thi:* theo quy định của Học viện.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Sách giáo trình/Bài giảng

1. Nguyễn Thanh Hải, Vũ Văn Tuấn (2020). Bài giảng Sở hữu trí tuệ trong Công nghệ Sinh Học.

* Tài liệu tham khảo khác

1. Andrew Blattman, Philip Heuzenroeder, Martin O'Brien, Simon Tout, Sylvie Tso (2008). Biotechnology intellectual property management manual, ISBN 978-0-646-50349-3.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
1-2	Chương 1: Khái quát về sở hữu trí tuệ	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (6 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 1.1. Giới thiệu chung về quyền sở hữu trí tuệ 1.2. Lịch sử phát triển quyền sở hữu trí tuệ	K1

	1.3. Các điều ước quốc tế và các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam về sở hữu trí tuệ	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) 1.4. Đọc giáo trình, bài giảng và tìm hiểu thông tin liên quan tới nội dung của chương.	K1
	Chương 2: Quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp	
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (6 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 2.1. Quyền tác giả 2.2. Quyền sở hữu công nghiệp	K2
3-4	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) 2.3. Đọc giáo trình, bài giảng và tự tìm hiểu thông tin liên quan tới nội dung của chương.	K2
	Chương 3: Quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực nông nghiệp	
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (6 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 3.1. Quyền đối với giống cây trồng 3.2. Quyền sở hữu trí tuệ đối với tri thức truyền thống và chỉ dẫn địa lý trong nông nghiệp	K2, K3
5-6	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) 3.3. Đọc giáo trình, bài giảng và tự tìm hiểu thông tin liên quan tới nội dung của chương.	K2, K3
	Chương 4: Quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp	
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (8 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 4.1. Khái quát về quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến công nghệ sinh học 4.2. Một số hợp đồng liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học 4.3. Nghiên cứu tình huống về sở hữu trí tuệ trong công nghệ sinh học	K3, K4
7,8,9	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (24 tiết) 4.4. Đọc giáo trình, bài giảng và tự tìm hiểu thông tin liên quan tới nội dung của chương.	K3, K4
	Chương 5: Thông tin sáng chế	
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (4 tiết) Nội dung GD lý thuyết 5.1. Khái quát về thông tin sáng chế 5.2. Nguồn thông tin sáng chế 5.3. Tra cứu thông tin sáng chế 5.4. Thông tin sáng chế trong trường đại học Việt Nam	K5
9,10		

	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 tiết) 5.5. Đọc giáo trình, bài giảng và tự tìm hiểu thông tin liên quan tới nội dung của chương.	K5
--	--	----

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: yêu cầu có đầy đủ bàn, ghế, bảng, phấn.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: có kết nối internet, có máy chiếu, micro, loa.
- Phần mềm dạy trực tuyến (MS Teams...), máy tính, hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng Internet với băng thông đáp ứng nhu cầu người dùng, không để xảy ra nghẽn mạng hay quá tải. Phòng học trực tuyến đầy đủ ánh sáng, cách âm tốt, thông thoáng, ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ.

X. Các lần cải tiến

- Lần 1: 25/7/2016
- Lần 2: 31/7/2017
- Lần 3: 30/7/2018
- Lần 4: 29/7/2019

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Nguyễn Thị Lâm Hải

PGS.TS. Nguyễn Thanh Hải

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC

THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thanh Hải	Học hàm, học vị: PGS.TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Công nghệ sinh học Thực vật	Phone: 0914-598-399
Email: haitver@yahoo.com	Web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/cnsh/index.php/vi/
Cách liên lạc với giảng viên: Sinh viên có thể liên lạc với giảng viên theo điện thoại và địa chỉ email; hoặc đặt lịch gặp trực tiếp với giảng viên tại bộ môn Công nghệ sinh học Thực vật	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Vũ Văn Tuấn	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Pháp luật	Phone: 0912644808
Email: vvtuan@vnua.edu.vn	
Cách liên lạc với giảng viên: Sinh viên có thể liên lạc với giảng viên theo điện thoại và địa chỉ email; hoặc đặt lịch gặp trực tiếp với giảng viên tại bộ môn Pháp luật	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Thanh Hải	Học hàm, học vị: PGS.TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Công nghệ sinh học Thực vật	Phone: 0914-598-399
Email: haitver@yahoo.com	Web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/cnsh/index.php/vi/
Cách liên lạc với giảng viên: Sinh viên có thể liên lạc với giảng viên theo điện thoại và địa chỉ email; hoặc đặt lịch gặp trực tiếp với giảng viên tại bộ môn Công nghệ sinh học Thực vật	